TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Khel.

Ông Nguyễn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số D, đường L, Khóm D, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

Bị đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số D, đường L, Khóm D, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2022 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Lê Minh H tổ chức lễ cưới năm 1993 tại Vĩnh Long chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng, ngày 03 tháng 01 năm 2003. Trong thời kỳ hôn nhân ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, có 1 con chung: Lê Nguyễn Thảo N, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1994; Về tài sản chung: Ông bà có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận; Về nợ chung: Ông bà không có nợ ai và cũng không có ai nợ ông, bà.

Bà Nguyễn Thị Anh T cho rằng thời gian gần 02 năm nay bà Nguyễn Thị Anh T và ông Lê Minh H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nên tình cảm vợ chồng không được quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà không còn chung sống với nhau.

Nay bà Nguyễn Thị Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông Lê Minh H.

Về con chung: Đối với người con Lê Nguyễn Thảo N, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1994 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T đã nộp: Một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, mang tên bà Nguyễn Thị Anh T và ông Lê Minh H; Một bản sao chứng thực Căn cước công dân tên Nguyễn Thị Anh T; Một bản sao giấy khai sinh: Lê Nguyễn Thảo N, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1994; Một bản sao Sổ hộ khẩu, tên Lê Minh H;

- Quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Minh H được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, ông Lê Minh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Lê Minh H không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bà Nguyễn Thị Anh T đã trình bày và giao nộp cho Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Lê Minh H và ông H cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với ông Lê Minh H đã được triệu tập hợp lệ không tham gia phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Minh H.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do bà Nguyễn Thị Anh T cung cấp và ông Lê Minh H không phản đối căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Lê Minh H xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 3 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, nên hôn nhân ông bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Anh T: Sau thời gian chung sống thì bà Nguyễn Thị Anh T, ông Lê Minh H phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau

chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên bà Nguyễn Thị Anh T kiên quyết ly hôn. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông Lê Minh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Đối với người con Lê Nguyễn Thảo N, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1994 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Anh T khai có tự thỏa thuận được, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Anh T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Anh T:

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông Lê Minh H.

1.2/. Về con chung: Đối với người con Lê Nguyễn Thảo N, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1994 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết

1.3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Các đương sự khai không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 000844 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bà Nguyễn Thị Anh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được

bản án cấp, tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Văn Như